

Name:
 Date: ... / ... /20...
 Class: S4
 Tel: 034.200.9294



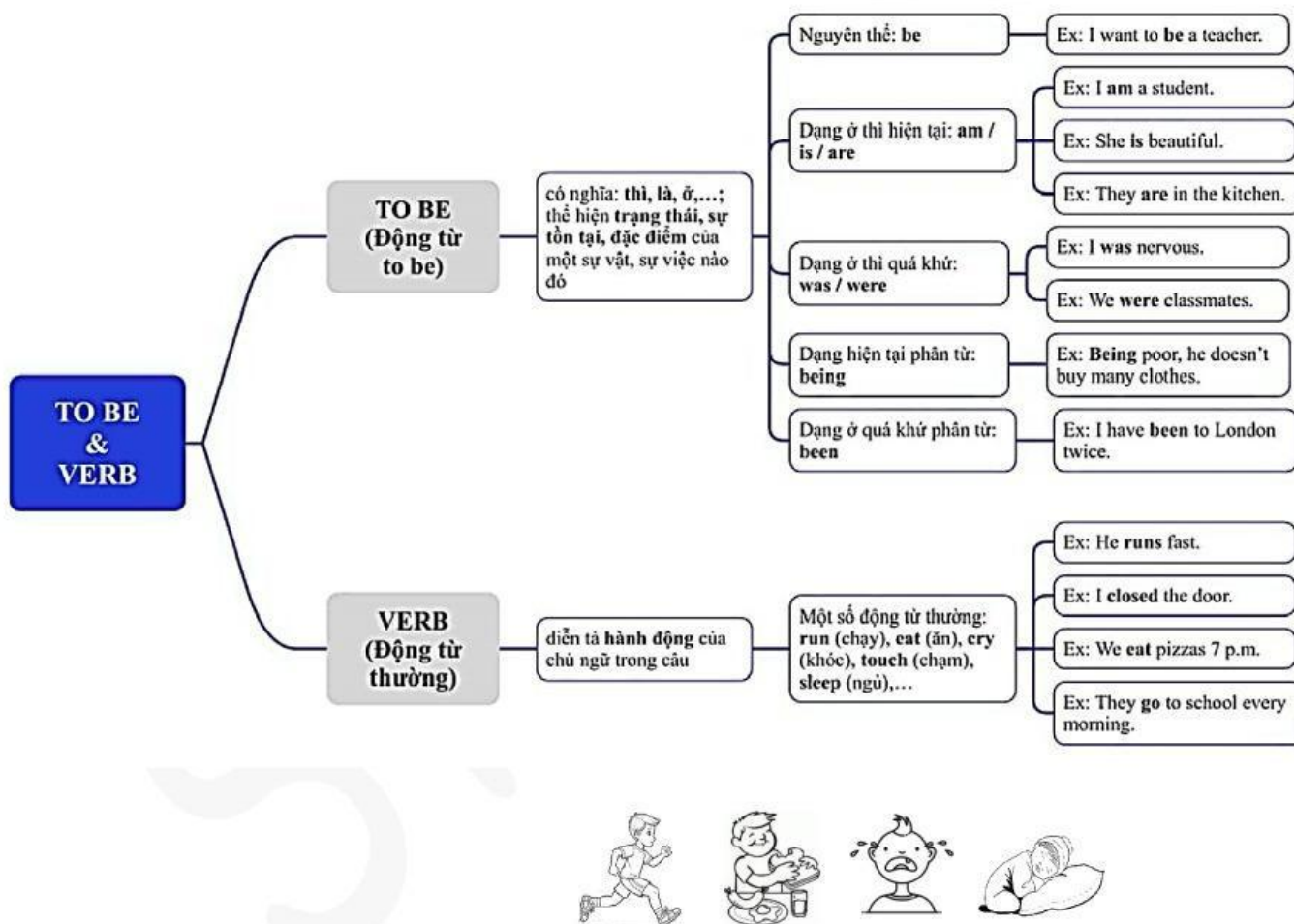
Grammar:
 Reading:
 Writing:
 Mini Test:

WEEK 4: THE NATURE AROUND US

GRAMMAR & KET WRITING

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1** dòng để ghi nhớ nhé

A. GRAMMAR



Lưu ý: - Động từ to be là những từ không chỉ hành động.

- Động từ to be và động từ thường không bao giờ xuất hiện trong cùng một câu, khác với trường hợp động từ to be đi với động từ thường chia ở dạng V-ing (cấu trúc thì tiếp diễn), V_{3/ed} (cấu trúc câu bị động).

B. VOCABULARY FROM CAMBRIDGE

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	beetle (n)	bọ cánh cứng	3	humorous (adj)	hài hước
2	camp (v)	cắm trại	4	well-known (adj)	nổi tiếng

Note: n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ

*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer

0. My mother _____ a nurse.
☒ A. is B. works C. are
1. Liam _____ to school every morning.
 A. walks B. is C. walking
2. We _____ coffee in the evening.
 A. doesn't drink B. don't drink C. aren't drink
3. The sky _____ clear and blue this morning.
 A. are B. is look C. is
4. _____ it cold last night? - Yes, it _____.
 A. Was - was B. Was - having C. Were - having
5. I _____ always worried about the test result.
 A. feel B. am C. is

Exercise 2: Put the words in the correct form to complete the sentences

0. The music show (**start**) starts at 6 a.m. every Thursday.
1. My best friend (**write**) to me every week.
2. Paul (**be**) humorous. He always (**tell**) us funny stories.
3. Mr. An (**be**) a doctor. He (**work**) in a hospital.
4. Look! The bus (**come**)
5. My father (**not like**) cats.

Exercise 3: Fill in the blanks with verbs in the box

played	built	was	are	is	see
--------	------------------	-----	-----	----	-----

0. They built a supermarket near the lake.
1. Sarah and Miley classmates.
2. My brother very well-known at school.
3. Some people volleyball on the beach.
4. Linda afraid of spiders in the past.
5. Most cats well in the dark.



**Lưu ý trước khi làm đề Cambridge:*

1. Sau khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.

2. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc.

Read the postcard and write the missing words. Write one word on each line.



Example

Weare..... camping in the mountains! Today, the
1 weather is horrible, but I don't mind it's
warm in our tent. Every evening, my brother and I get wood for
2 a fire, then we a board game while Mum
3 and Dad cook dinner. There are lots of here,
like butterflies and beetles. I think they're really interesting, but
Mum doesn't like them. Tomorrow we're going to go rock climbing in
4 the mountains. I never climbed before. Mum
5 says it's very beautiful at the top, so I must
forget to take my camera.

Read the diary and write the missing words. Write one word on each line.



Example

It snowed last night! I was so surprised when I got up and looked outside!

- 1 Mum and I mixed some flour, eggs and milk make pancakes for our breakfast. They tasted really delicious!
- 2 I had six. Mum had four. Then I on my new warm gloves and I went and got our old sledge. My little brother
- 3 down on it and then I pulled him to
- 4 the park! Our friends, Harry and Michael, already there with their snowboards. We had such a lot
- 5 fun. We didn't want to come home!

D. WRITING

You want to invite your new classmate Shane to a birthday party next week.
Write an email to Shane.

Say:

- when the party is
- where the party is
- what food or drink he can bring

Write **25 words** or more.

EMAIL

From:

To:

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để Starlink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

